

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 346/2021/HS-ST.

Ngày: 12/11/2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bạ.

2. Ông Đinh Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 316/2021/HSST ngày 14 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1983; tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 10A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông P, sinh năm 1954 và con bà L, sinh năm 1956, hiện sinh sống tại Thôn 10A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là V, sinh năm 1993; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2016.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/5/2021 đến ngày 23/5/2021. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: T1; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1983; tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Số X đường C, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Xây dựng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Q, sinh năm 1955 và con bà P, sinh năm

1957, hiện sinh sống tại Thôn 8A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là T2, sinh năm 1989; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/5/2021 đến ngày 23/5/2021. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: C; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1988; Tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Số Y đường X, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Môi giới bất động sản; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông A, sinh năm 1957 và con bà B, sinh năm 1958, hiện cư trú tại Số Y đường X, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ A1, sinh năm 1989; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/5/2021 đến ngày 23/5/2021. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: C1; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1990 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Số Z đường X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Môi giới bất động sản; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ, sinh năm 1964 và con bà P, sinh năm 1968, hiện cư trú tại: Tổ dân phố K, thị trấn S, huyện S, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là N, sinh năm: 1989; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/5/2021 đến ngày 23/5/2021. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: L; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1982 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn 7A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông T4, sinh năm 1960, và con bà T5, sinh năm 1962, hiện trú tại: Thôn 7A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Y, sinh năm 1993; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2015.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 15/9/2021 cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà V – Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 10A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - (vắng mặt).

2. Bà N – Sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số A đường Q, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – (có mặt).

3. Ông N1 – Sinh năm 1970.

Địa chỉ: Buôn B, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – (vắng mặt)

- **Người chứng kiến:** Ông T5 – Sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số B đường Q, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 45 phút ngày 17/5/2021, C, T1 và C1 lần lượt đến nhà T thuê ở địa chỉ: Số M đường H, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chơi. Tại đây, T, C, T1 và C1 rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài phỏm. Lúc này, T thấy L (người ở cùng nhà với T) mang 02 bình nước chuẩn bị đi đổi nên T nhờ L mua giúp mấy bộ bài để T cùng T1, C và C1 đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền. L đi bộ đến tiệm tạp hóa A, ở địa chỉ: Số A đường Q, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (do bà N, sinh năm 1968 làm chủ) đổi 02 bình nước và mua 10 bộ bài Tây (loại 52 lá) với giá 6.000 đồng/01 bộ, đem về để trong phòng ngủ của T và ra phòng khách nằm ngủ. Còn T, T1, C và C1 đi vào phòng ngủ, đóng cửa lại rồi cùng nhau ngồi trên 01 chiếc nệm kích thước 1,6m×02m đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc, T mang theo số tiền 22.000.000 đồng, C mang theo số tiền 5.550.000 đồng, T1 mang theo số tiền 5.000.000 đồng; C1 mang theo 6.900.000 đồng, sử dụng hết để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, T đi ra ngoài phòng khách gọi L dậy rồi đưa cho L số tiền 600.000 đồng để trả tiền mua bài, sau đó, vào phòng ngủ tiếp tục đánh bạc và cho C mượn số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc. Đến 14 giờ 45 phút cùng ngày, khi T, T1, C và C1 đang tham gia đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện, bắt quả tang; thu giữ tại chiếu bạc số tiền 23.150.000 đồng, 02 bộ bài Tây (loại 52 lá) và 01 nệm kích thước 1,6m×2m.

Ngoài ra, còn thu giữ của T số tiền 13.900.000 đồng, của C số tiền 800.000 đồng, của C1 số tiền 1.000.000 đồng, là tiền dùng để đánh bạc và một số tài sản có liên quan khác.

Hình thức chơi đánh bài Phỏm được thua bằng tiền như sau: Người chơi sử dụng 02 bộ bài Tây, loại 52 lá để đánh bạc, 01 bộ bài được dùng bốc ngẫu nhiên trúng quân bài nào thì quân bài đó được làm quân bài Cá . Ngồi đối diện với người

chia bài sẽ là người bốc ngẫu nhiên quân bài cá này . Bộ bài còn lại đư ợc sử dụng chia thành 04 phần cho 04 tụ chơi, trong đó tụ của người chia bài đư ợc chia 10 quân bài, 03 tụ còn lại của người chơi đư ợc chia mỗi tụ 09 quân bài, số bài dư còn lại sau khi chia đư ợc bỏ ra giữa 04 người chơi để bốc. Người chia bài sẽ đánh trước tiên, mỗi lần đánh sẽ chỉ đánh đi 01 lá bài, nếu người ngồi liền kề (theo chiều đánh) “Ăn bài”, nghĩa là lấy lá bài này để cùng với các lá bài trên tay mình tạo thành phỏm (một phỏm gồm 03 lá bài trở lên cùng loại hoặc cùng chất bài và liền kề nhau, ví dụ như: 03 quân 6 hoặc 04 quân 6 hoặc các quân bài 10, J, Q cùng một chất Cơ, Rô, Chuồn, Bích. Sau khi “Ăn bài” thì người này không đư ợc bốc bài trên sòng mà phải đánh đi 01 lá bài khác đang cầm trên tay. Nếu không “Ăn bài” thì người này sẽ bốc 01 lá bài trên cùng trong số những lá bài còn lại úp giữa chiếu bạc và đánh 01 lá bài đi, làm sao trên tay của mỗi người chơi luôn có 09 lá bài. Cứ tiếp tục đánh như vậy cho đến khi ván bài kết thúc , tức là khi ai có bài “Ù” thì hạ bài, nếu không có bài “Ù” thì khi tại tụ của mỗi người chơi có 04 lá bài đánh xuống (không tính các quân bài bị người khác ăn) thì hạ phỏm rồi tính điểm để phân định kết quả thắng thua của ván bài đó . Bài “Ù thường” là bài có 09 quân bài tạo thành Phỏm, thắng mỗi người còn lại là 500.000 đồng; bài “Ù tròn” tức là bài có 10 quân bài tạo thành Phỏm , thắng mỗi người còn lại là 1.000.000 đồng. Điểm bài đư ợc tính là tổng số điểm của những lá bài không tạo thành Phỏm , theo đó lần lượt từ quân A đến quân K (A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K) đư ợc tính từ 01 đến 13 điểm/ lá bài. Bài thấp (ít) điểm nhất thì về nhất và thắng hết 03 tụ còn lại, thua nhì (bài có điểm thấp thứ hai) thua 100.000 đồng, thua ba (bài có điểm thấp thứ ba) thua 200.000 đồng, thua chót (bài có điểm cao nhất) thua 300.000 đồng. Bài không có Phỏm gọi là “Bài cháy” , bị thua 400.000 đồng. Bài nào có Phỏm và còn nhiều “Quân cá” hơn hoặc có “Quân cá” có chất lớn hơn (theo thứ tự từ nhỏ đến lớn là Bích, Chuồn, Rô, Cơ) thì thắng tiền “Quân cá” của 03 người còn lại, với số tiền là 100.000 đồng/quân bài. Người nào bị người khác “Ăn bài” thì bị thua tiền, bị ăn lá bài đầu tiên thua 100.000 đồng, lá bài thứ hai thua 200.000 đồng, bị ăn “Quân chót hạ” thua 400.000 đồng, ai để bị ăn 03 lá bài trong 01 ván bài thì bị “Đền bài” , nghĩa là ngoài số tiền mình bị thua còn phải chung tiền “Ù” cho 02 người còn lại. Người nào có bài “Tứ quý” (tức là bài có 04 quân bài cùng loại, ví dụ như: 04 quân 7 hoặc 04 quân 8) thắng mỗi người còn lại là 500.000 đồng. Người nào có bài “Tứ quý cá” thắng mỗi người còn lại là 800.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 342/CT-VKS ngày 12 tháng 10 năm 2021 Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố các bị cáo T, T1, C, C1 và L về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo T, T1, C, C1 và L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và nội dung Bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Tại phiên tòa và quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo T, T1, C, C1 và L phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo T mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm.

- Xử phạt bị cáo C1 mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng.

- Xử phạt bị cáo C mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng.

- Xử phạt bị cáo T1 mức án từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

- Xử phạt bị cáo L mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với tổng số tiền đánh bạc là 39.450.000 đồng, trong đó 23.150.000 đồng tiền thu giữ tại sòng bạc; 15.700.000 đồng tiền thu giữ trên người các con bạc và 600.000 đồng T trả tiền mua bài cho L, là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 10 bộ bài Tây, loại 52 lá, là công cụ sử dụng để phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 nệm kích thước 1,6m×2m, là tài sản của ông N1 (sinh năm: 1970, trú tại: Buôn B, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk), cho bị cáo T mượn. Việc bị cáo T sử dụng chiếc nệm vào việc đánh bạc thì ông N1 không biết. Ngày 24/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc nệm cho ông N1 quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, số Imei: I và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu đen, số Imei: I2

của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro, màu xanh, số Imei: I3 của bị cáo T1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu gold, số Imei: I4 của bị cáo C; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen, số Imei: I5 của bị cáo C1, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Ngày 24/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định xử lý vật chứng trao trả các tài sản trên cho các bị cáo T, T1, C, C1 quản lý, sử dụng là phù hợp.

Các bị cáo T, T1, C, C1 và L không bào chữa và tham gia tranh luận gì. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, cho các bị cáo được hưởng án treo, tự cải tạo sửa chữa sai lầm dưới sự giám sát của chính quyền địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Do ý thức coi thường pháp luật, nên vào ngày 17/5/2021, tại địa chỉ: Số M đường H, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo L đã giúp sức mua 10 bộ bài Tây, loại 52 lá, cho các bị cáo T, T1, C và C1 đánh bạc thắng thua bằng tiền, dưới hình thức đánh bài phỏm, với tổng số tiền dùng đánh bạc là 39.450.000 đồng. Bị cáo L được bị cáo T cho số tiền 600.000 đồng để trả tiền mua 10 bộ bài Tây.

Hành vi của các bị cáo T, T1, C, C1 và L đã phạm vào tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 321 BLHS quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị

phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Như vậy, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo T, T1, C, C1 và L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người đúng tội.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng đồng thời còn gây ảnh hưởng đến trật tự an ninh xã hội, các bị cáo đều biết rằng, đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền là tệ nạn xã hội được pháp luật nghiêm cấm, song do ý thức coi thường pháp luật, các bị cáo đã bước vào con đường phạm tội. Từ tội phạm này là nguyên nhân dẫn đến một số tội phạm như cướp giật, trộm cắp và các tệ nạn xã hội khác.

[4] Xét thấy trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, nhưng các bị cáo không có sự phân công vai trò cụ thể, phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên mức độ phạm tội của từng bị cáo khác nhau nên cần đánh giá xem xét để tuyên một mức hình phạt phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội, nhằm răn đe, phòng ngừa chung trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4.1] Bị cáo T đánh bạc với số tiền nhiều nhất 22.000.000 đồng, bị cáo cũng là người cho bị cáo L số tiền 600.000 đồng để trả tiền mua 10 bộ bài Tây. Do vậy hình phạt của bị cáo T nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác là phù hợp.

[4.2] Bị cáo C1 đánh bạc với số tiền 6.900.000 đồng. Bị cáo C mang theo số tiền 5.550.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc, ngoài ra trong lúc đánh bạc bị cáo C mượn của bị cáo T số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, như vậy bị cáo C đánh bạc với số tiền 7.550.000 đồng. Bị cáo T1 đánh bạc với số tiền 5.000.000 đồng. Do đó cần cân nhắc để có mức hình phạt đối với mỗi bị cáo cho phù hợp.

[4.3] Bị cáo L không tham gia đánh bạc, nhưng bị cáo đã giúp sức mua 10 bộ bài Tây cho các bị cáo khác đánh bạc thắng thua bằng tiền. Bị cáo tham gia với vai trò thấp nên mức hình phạt của bị cáo L thấp hơn so với các bị cáo khác là phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo T, T1, C, C1, L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo T, T1, C, C1, L đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng

biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

[6] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 39.450.000 đồng, trong đó 23.150.000 đồng tiền thu giữ tại sòng bạc; 15.700.000 đồng tiền thu giữ trên người các con bạc và 600.000 đồng T trả tiền mua bài cho L, là tài sản liên quan đến việc đánh bạc, nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 10 bộ bài Tây, loại 52 lá, là công cụ các bị cáo sử dụng để phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 nệm kích thước 1,6m×2m, là tài sản của ông N1 (sinh năm: 1970, trú tại: Buôn B, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk), cho bị cáo T mượn. Việc bị cáo T sử dụng chiếc nệm vào việc đánh bạc thì ông N1 không biết. Ngày 24/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc nệm cho ông N1 quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, số Imei: I và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu đen, số Imei: I1 của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro, màu xanh, số Imei: I2 của bị cáo T1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu gold, số Imei: I3 của bị cáo C; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen, số Imei: I4 của bị cáo C1, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Ngày 24/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định xử lý vật chứng trao trả các tài sản trên cho các bị cáo T, T1, C, C1 quản lý, sử dụng là phù hợp.

[7] Về các hành vi khác:

Đối với địa điểm các bị cáo đánh bạc là căn nhà tại địa chỉ Số M đường H, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình điều tra xác định căn nhà trên thuộc quyền sở hữu của ông N1. Ông N1 cho bị cáo T thuê ở. Việc bị cáo T sử dụng phòng ngủ để đánh bạc thì ông N1 không biết và không hưởng lợi gì, nên Cơ quan điều tra không kê biên tài sản và không đề cập xử lý đối với ông N1 là phù hợp.

Đối với bà N là người bán 10 bộ bài Tây, loại 52 lá, cho bị cáo L. Tuy nhiên, bà N không biết bị cáo L mua 10 bộ bài Tây cho các bị cáo T, C, T1, C1 đánh bạc thắng thua bằng tiền nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà N là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo T, T1, C, C1 và L phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Xử phạt bị cáo C1 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Xử phạt bị cáo C 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Xử phạt bị cáo T1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Xử phạt bị cáo L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo T và L cho Ủy ban Nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo C1 cho Ủy ban Nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo C cho Ủy ban Nhân dân phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo T1 cho Ủy ban Nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Các bị cáo T, T1, C, C1 và L thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

*** Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 nệm kích thước 1,6m×2m cho ông N1 là chủ sở hữu nhận quản lý và sử dụng.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, số Imei: I và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu đen, số Imei: I1 cho bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro, màu xanh, số Imei: I2 cho bị cáo T1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu gold, số Imei: I3 cho bị cáo C; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen, số Imei: I4 cho bị cáo C1, là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 39.450.000 đồng, trong đó 23.150.000 đồng tiền thu giữ tại sòng bạc; 15.700.000 đồng tiền thu giữ trên người các con bạc và 600.000 đồng T trả tiền mua bài cho L, là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 10 bộ bài tú lơ khơ, loại 52 lá là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

(Hiện toàn bộ vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 10 năm 2021 lưu tại hồ sơ).

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo T, T1, C, C1 và L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường A, thành phố Buôn Ma Thuột;
- UBND phường C, thành phố Buôn Ma Thuột;
- UBND phường T, thành phố Buôn Ma Thuột;
- UBND xã E, H. K;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đông